

Bản án số: 35/2024/DS-ST
Ngày: 29-7-2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị K Cúc.
2. Ông Dương Minh Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kiều Hoanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Nghĩa – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại Phòng xét xử Toà án nhân dân huyện Núi Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2023/TLST-DS ngày 25/12/2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST - DS ngày 05 tháng 6 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐST-DS ngày 25/6/2024, thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 15/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị M, sinh năm: 1974, địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện N, tỉnh Q. Bà M có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn Ch, sinh năm: 1982 và bà Trần Thị K, sinh năm: 1989, địa chỉ: Thôn An, xã T, huyện N, tỉnh Q. Ông Ch, bà K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hoàng Thị M trình bày:

Ngày 02/01/2023, bà M có cho ông Ch, bà K vay số tiền 1 tỷ đồng và 03 chỉ vàng, mục đích vay để kinh doanh. Khi nào cần thì trả. Lãi suất thoả thuận là 3%/tháng/ 1 tỷ. Sau khi vay, bà M nhiều lần yêu cầu nhưng ông Ch bà K không trả nợ gốc và lãi. Do vậy, bà M làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Ch, bà K trả cho bà số nợ gốc 1 tỷ đồng và lãi 20%/ năm/1 tỷ tính từ tháng 3/2023 âm lịch đến thời điểm xét xử. Ngoài ra bà M không yêu cầu gì khác. Tại phiên tòa, bà M khai ông Ch bà K đã trả cho bà được số nợ gốc 30.000.000 đồng, số tiền nợ gốc còn lại bà M yêu cầu ông Ch, bà K phải trả là 970.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 23/4/2023

dương lịch đến thời điểm xét xử 29/7/2024 là 14 tháng lãi với lãi suất là 10%/ năm/ 970.000.000 đồng. Đối với số vàng 03 chỉ ghi tại giấy vay tiền bà M không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này.

Bà K, ông Ch không có mặt tại phiên hoà giải, không có ý kiến tại hồ sơ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị M, buộc ông Ch, bà K phải trả cho bà M số tiền 970.000.000 đồng và lãi theo quy định. Ông Ch, bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn đã nộp đơn và các chứng cứ theo quy định, khởi kiện ông Trần Văn Ch và bà Trần Thị K, cùng trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Q yêu cầu trả tiền vay và lãi vay. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Ch và bà K, tuy nhiên ông Ch, bà K vắng mặt lần hai không có lý do Ch đáng mặc dù Toà án đã niêm yết, tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa cho ông Ch, bà K, do vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Ngày 02/01/2023 âm lịch (tức 23/01/2023 DL), ông Trần Văn Ch và bà Trần Thị K có viết giấy mượn của bà Hoàng Thị M số tiền 1.000.000.000 đồng. Giấy mượn tiền không có thoả thuận về thời hạn trả nợ. Do ông Ch, bà K không trả nợ khi bà M đòi nên bà M làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Ch và bà K phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc 1 tỷ đồng và lãi 20%/ năm từ tháng 3/2023 âm lịch đến nay. Tại phiên tòa, số tiền nợ gốc còn lại bà M yêu cầu ông Ch, bà K phải trả là 970.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 23/4/2023 dương lịch đến thời điểm xét xử 29/7/2024 là 14 tháng lãi với lãi suất là 10%/ năm/ 970.000.000 đồng.

[3.2] Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã tiến hành niêm yết công khai thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Ch bà K trong thời hạn luật định. Tuy nhiên ông Ch, bà K không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà M gửi cho Toà án. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, việc ông Ch, bà K có mượn tiền bà M với số tiền 1 tỷ đồng và viết giấy mượn tiền ngày 02/01/2023 âm lịch là sự thật không cần phải chứng minh.

[3.3] Quan hệ vay tiền giữa các đương sự là có thật, có lập thành văn bản. Hai bên không có thoả thuận thời hạn trả nợ nên theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự, bà M có quyền đòi ông Ch, bà K trả lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo cho nhau trước một khoảng thời gian hợp lý. Tại thời điểm làm đơn khởi kiện ngày 02/11/2023, bà M cho rằng đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà K, ông Ch không trả lại nợ gốc và lãi. Đến ngày 25/12/2023 vụ án được thụ lý, ông Ch, bà K cũng đủ thời gian hợp lý để thu xếp trả nợ nhưng không trả là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do vậy, bà M yêu cầu ông Ch, bà K trả nợ gốc 970.000.000 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3.3] Xét yêu cầu tính lãi từ ngày 23/4/2023 dương lịch đến thời điểm xét xử 29/7/2024 là 14 tháng lãi với lãi suất là 10%/ năm/ 970.000.000 đồng thấy rằng: Tại giấy mượn tiền ghi ngày 02/01/2023 âm lịch, hai bên ghi “lãi 3.0, tỷ”. Theo giải thích của bà M nội dung này nghĩa là lãi 3%/ tháng/1 tỷ. Tuy nhiên ông Ch, bà K không có ý kiến tại hồ sơ, vắng mặt tại phiên toà nên không có sự thống nhất với bà M về mức lãi suất đã thoả thuận. Do thoả thuận về lãi suất không rõ ràng, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, lãi suất được xác định là 10%/năm của 970.000.000 đồng tính từ tháng ngày 23/4/2023 dương lịch đến thời điểm xét xử là ngày 29/7/2024. Bà M thống nhất thời gian tính lãi là 14 tháng, tương đương số tiền lãi phải trả là $970.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/12 \text{ tháng} \times 14 \text{ tháng} = 113.166.000 \text{ đồng}$, cần buộc ông Ch, bà K có trách nhiệm trả cho bà M.

[3.4] Đối với 03 chỉ vàng được ghi nhận trong giấy mượn tiền bà M không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ch, bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị M về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” với ông Trần Văn Ch, bà Trần Thị K.

Buộc ông Trần Văn Ch, bà Trần Thị K phải trả cho bà Hoàng Thị M số tiền nợ gốc 970.000.000 đồng (*chín trăm bảy mươi triệu đồng*) và lãi 113.166.000 đồng (*một trăm mười ba triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*). Tổng cộng số tiền buộc ông Ch, bà K phải trả cho bà M là 1.083.166.000 đồng (*một tỷ không trăm tám mươi ba triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

Về án phí dân sự sơ thẩm ông Trần Văn Ch, bà Trần Thị K phải chịu 44.495.000 đồng (*bốn mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng*); Hoàn lại cho bà Hoàng Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.000.000 đồng (*hai mươi*

một triệu đồng) theo biên lai thu 0006363 ngày 25/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đôi với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- THA huyện Núi Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuân Thuỳ